

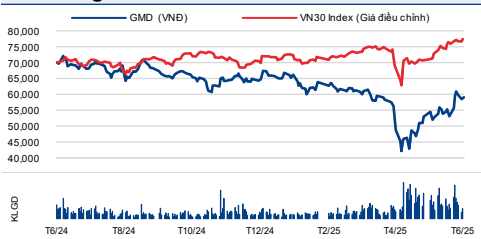
Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ66,000
Tiềm năng tăng/giảm: 11.7%

Giá cổ phiếu (đồng) (4/6/2025)	59,100
Mã Bloomberg	GMD VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	42,200-72,074
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	58,800
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	24,834
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	953
Slg CP lưu hành (tr.đv)	420
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	206
Slg CP NN được mua (tr.đv)	39.1
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	39.7%
Tỷ lệ freefloat	95.7%
Cổ đông lớn	SSJ Consulting (7.07%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	4,832	4,819	5,385
EBITDA đc (tỷ đồng)	2,218	2,643	2,883
LNTT (tỷ đồng)	2,080	2,240	2,325
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,334	1,391	1,442
FCF (tỷ đồng)	48.3	(1,884)	1,638
EPS ĐC (đồng)	3,222	3,311	3,432
DPS (đồng)	2,216	1,000	1,000
BVPS (đồng)	29,919	32,601	35,152
T.trưởng EBITDA (%)	25.5	19.2	9.10
T.trưởng EPS ĐC (%)	(51.9)	2.07	3.68
Tăng trưởng DPS (%)	(13.1)	(54.9)	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	45.9	54.8	53.5
Tỷ suất LNTT (%)	43.0	46.5	43.2
Tỷ suất LNT ĐC (%)	30.2	31.4	29.1
Tỷ lệ LN trả CT (%)	62.8	27.8	26.8
Nợ thuần/VCSH (%)	(14.4)	8.41	6.96
ROAE (%)	13.9	11.6	11.0
ROACE (%)	7.25	7.86	7.66
EV/doanh thu (lần)	4.76	4.99	4.38
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.4	9.10	8.18
P/E ĐC (lần)	18.3	17.9	17.2
P/B (lần)	1.98	1.81	1.68
Lợi suất cổ tức (%)	3.75	1.69	1.69

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

GMD là doanh nghiệp cảng biển tư nhân lớn nhất tại Việt Nam với hệ thống cảng trải dài trên toàn quốc và hệ thống logistics tích hợp.

Chuyên viên phân tích

Chế Thị Mai Trang

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp
trang.ctmai@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4848

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Tài liệu ĐHCĐ: Kế hoạch mua lại lên đến 5% cổ phiếu đang lưu hành

- GMD sẽ xin ý kiến của cổ đông về việc mua lại 21 triệu cổ phiếu (tương đương 5% số cổ phiếu đang lưu hành) nếu thị giá thấp hơn 1,5 lần giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS).
- GMD đưa ra hai kịch bản cho LNTT từ HKĐD cốt lõi năm 2025, với mục tiêu chính thức là 1,8 nghìn tỷ đồng (đi ngang so với cùng kỳ) và mục tiêu phấn đấu là 2 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 12%) – cả hai kịch bản đều được xem là thận trọng hơn so với dự báo của HSC. Cổ tức bằng tiền mặt năm 2024 được đề xuất ở mức 2.000đ/cp (tương đương với lợi suất cổ tức 3,4%).
- Chúng tôi giữ nguyên dự báo lợi nhuận, khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu 66.000đ (tiềm năng tăng giá 12%) đối với GMD. Cổ phiếu hiện đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 17,6 lần, thấp hơn 1,3 độ lệch chuẩn so với bình quân 3 năm ở mức là 20,4 lần, với P/E dự phóng năm 2025 là 1,8 lần.

Sự kiện: Công bố tài liệu ĐHCĐ

GMD vừa công bố tài liệu cho ĐHCĐ dự kiến diễn ra ngày 24/6/2025. Nội dung chính như sau:

Đề xuất mua lại cổ phiếu

GMD sẽ xin ý kiến của cổ đông về việc mua lại lên đến 21 triệu cổ phiếu (tương đương 5% cổ phiếu đang lưu hành) nếu thị giá GMD thấp hơn 1,5 lần giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu trên báo cáo tài chính gần nhất – với mục tiêu là “bảo vệ lợi ích của công ty và cổ đông”. Tính đến cuối Q1/2025, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu của GMD là 30.171đ. Điều này đồng nghĩa với việc GMD sẽ thực hiện kế hoạch mua lại nếu giá cổ phiếu giảm xuống dưới 45.237đ (tức thấp hơn khoảng 23% so với thị giá hiện tại).

Nếu được chấp thuận, kế hoạch mua lại cổ phiếu được đề xuất được sẽ là một diễn biến tích cực, góp phần bảo vệ lợi ích của cổ đông và thúc đẩy sự ổn định cho giá cổ phiếu. Kế hoạch này đặc biệt có ý nghĩa trong việc ứng phó với những biến động tiềm ẩn của giá cổ phiếu do các yếu tố bất ổn của kinh tế vĩ mô, đặc biệt là những thay đổi liên quan đến chính sách thuế quan của Mỹ.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 5/6.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Kế hoạch kinh doanh năm 2025, GMD

Dự báo LNTT cốt lõi năm 2025 của HSC cao hơn 12-24% so với kế hoạch của công ty

Tỷ đồng	Doanh thu thuần	LNTT	LNTT cốt lõi
KQKD 2024 - GMD	4,832	2,099	1,781
Kế hoạch chính thức 2025 - GMD	4,850	1,800	1,800
Tăng trưởng	0%	-14%	1%
So với ước tính của HSC 2024	0%	-14%	-9%
Kế hoạch nâng cao 2025 - GMD	4,950	2,000	2,000
Tăng trưởng	2%	-5%	12%
So với ước tính của HSC 2024	2%	-5%	1%
Ước tính 2025 - HSC	4,818	2,240	2,240
Tăng trưởng so với kế hoạch chính thức 2025	-1%	24%	24%
Tăng trưởng so với kế hoạch nâng cao 2025	-3%	12%	12%
Tăng trưởng so với ước tính của HSC 2024	0%	7%	13%

Nguồn: GMD, HSC

Đề ra KHKD thận trọng cho năm 2025

Trong tài liệu ĐHCĐ, GMD cho biết LNTT từ HĐKD cốt lõi năm 2024 đạt 1.781 tỷ đồng (tăng trưởng 29%) sau khi loại trừ khoản lợi nhuận 318 tỷ đồng từ việc thoái vốn tại cảng Nam Hải. Đáng chú ý, Công ty cũng đã ghi nhận các khoản chi phí không thường xuyên trong năm 2024 liên quan đến việc trích lập dự phòng cho các dự án đầu tư và các khoản chi phí khác. Ngoài trừ các khoản này, HSC ước tính LNTT từ HĐKD cốt lõi thực tế của năm 2024 sẽ cao hơn, đạt khoảng 1.988 tỷ đồng (tăng trưởng 44%).

Về KHKD năm 2025, Công ty đề ra hai kịch bản như được trình bày trong Bảng 1. Chi tiết như sau:

- Mục tiêu chính thức: Doanh thu đạt 4.850 tỷ đồng (không đổi so với cùng kỳ) và LNTT từ HĐKD cốt lõi đạt 1.800 tỷ đồng (bằng với dự báo LNTT từ HĐKD cốt lõi năm 2024 của Công ty, nhưng thấp hơn 13% so với dự báo của chúng tôi). KHKD này thấp hơn 20% so với dự báo LNTT từ HĐKD cốt lõi năm 2025 của chúng tôi ở mức 2.240 tỷ đồng (cao hơn 26% và 13% so với ước tính lợi nhuận cho năm 2024 của GMD và của chúng tôi).
- Mục tiêu nâng cao: Doanh thu đạt 4.950 tỷ đồng (tăng trưởng 2,4%) và LNTT từ HĐKD cốt lõi đạt 2.000 tỷ đồng (cao hơn 12% so với ước tính LNTT từ HĐKD cốt lõi năm 2024 của Công ty và bằng với ước tính của chúng tôi). Tuy nhiên, mục tiêu này vẫn thấp hơn 11% so với dự báo hiện tại của HSC.

Cổ tức tiền mặt cho năm 2024 được đề xuất ở mức 2.000đ/cp

GMD cũng đề xuất chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho năm 2024 ở mức 2.000đ/cp, tương ứng với lợi suất cổ tức 3,4%.

Về việc phân bổ quỹ, GMD cũng đề xuất trích 3% và 5% LNST năm 2024 cho Quỹ Ban Điều Hành và Quỹ Khen Thưởng và Phúc lợi như thường lệ.

Giữ nguyên dự báo lợi nhuận, khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu 66.000đ/cp

Mặc dù GMD đề ra các KHKD thận trọng, HSC vẫn giữ nguyên dự báo lợi nhuận, khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu 66.000đ đối với GMD (tiềm năng tăng giá 12%).

Dựa trên dự báo hiện tại, GMD đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 17,6 lần, thấp hơn 1,3 độ lệch chuẩn so với mức bình quân 3 năm ở mức 20,4 lần, mức định giá hấp dẫn, theo quan điểm của chúng tôi.

Ngoài ra, chúng tôi cũng nhận thấy rủi ro lợi nhuận cao hơn kỳ vọng dựa trên tiềm năng thoái vốn khỏi dự án cao su của GMD, khi Công ty đang đặt mục tiêu hoàn tất thoái vốn dự án này trong năm 2025. Chúng tôi chưa phản ánh điều này vào mô hình dự báo lợi nhuận do chưa có đủ thông tin.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	3,846	4,832	4,819	5,385	6,078
Lợi nhuận gộp	1,776	2,162	2,200	2,404	2,835
Chi phí BH&QL	(660)	(816)	(814)	(910)	(1,027)
Thu nhập khác	(69.0)	(611)	(48.2)	(53.9)	(60.8)
Chi phí khác	53.1	262	24.1	26.9	30.4
EBIT	1,100	996	1,361	1,468	1,778
Lãi vay thuần	1,772	267	38.0	(12.4)	44.4
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	272	816	840	869	881
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	3,144	2,080	2,240	2,325	2,704
Chi phí thuế TNDN	(642)	(174)	(263)	(274)	(343)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(280)	(446)	(465)	(483)	(605)
LNST không thường xuyên	-	(9.00)	-	-	-
Lợi nhuận thuần	2,222	1,459	1,512	1,568	1,756
Lợi nhuận thuần ĐC	2,158	1,334	1,391	1,442	1,615
EBITDA ĐC	1,767	2,218	2,643	2,883	3,205
EPS (đồng)	7,335	3,525	3,598	3,731	4,178
EPS ĐC (đồng)	7,126	3,222	3,311	3,432	3,844
DPS (đồng)	2,551	2,216	1,000	1,000	1,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	303	414	420	420	420
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	306	414	420	420	420
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	306	414	420	420	420

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	1,474	3,964	2,561	2,361	3,356
Đầu tư ngắn hạn	356	1,021	3,377	3,774	4,259
Phải thu khách hàng	1,212	1,235	1,241	1,392	1,578
Hàng tồn kho	68.2	83.4	85.4	95.5	108
Các tài sản ngắn hạn khác	290	372	371	414	467
Tổng tài sản ngắn hạn	3,401	6,676	7,635	8,037	9,768
TSCĐ hữu hình	3,894	3,786	6,145	5,599	5,053
TSCĐ vô hình	258	247	239	230	221
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1,799	1,766	1,444	1,457	1,471
Đầu tư vào Cty LD,LK	3,083	3,792	4,492	5,586	5,586
Tài sản dài hạn khác	1,107	1,719	1,308	1,458	1,640
Tổng tài sản dài hạn	10,141	11,310	13,629	14,331	13,971
Tổng cộng tài sản	13,542	17,986	21,264	22,368	23,739
Nợ ngắn hạn	446	422	558	624	704
Phải trả người bán	508	462	723	808	912
Nợ ngắn hạn khác	901	1,146	1,120	1,252	1,412
Tổng nợ ngắn hạn	1,936	2,107	2,503	2,797	3,157
Nợ dài hạn	1,518	1,745	3,149	2,759	2,369
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	381	380	477	533	602
Tổng nợ dài hạn	1,899	2,125	3,626	3,292	2,971
Tổng nợ phải trả	3,836	4,232	6,129	6,090	6,128
Vốn chủ sở hữu	8,558	12,386	13,699	14,771	16,028
Lợi ích cổ đông thiểu số	1,149	1,368	1,436	1,508	1,583
Tổng vốn chủ sở hữu	9,707	13,753	15,135	16,278	17,611
Tổng nợ phải trả và VCSH	13,542	17,986	21,264	22,368	23,739
BVPS (đ)	27,975	29,919	32,601	35,152	38,144
Nợ thuần*/(tiền mặt)	490	(1,797)	1,146	1,022	(283)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	1,100	996	1,361	1,468	1,778
Khấu hao	(395)	(406)	(441)	(546)	(546)
Lãi vay thuần	1,772	267	38.0	(12.4)	44.4
Thuế TNDN đã nộp	(625)	(242)	(263)	(274)	(343)
Thay đổi vốn lưu động	(836)	(5.03)	(1,848)	(848)	(954)
Khác	(2,268)	(681)	(104)	7.66	9.37
LCT thuần từ HKKD	(88.2)	1,647	926	1,648	1,735
Đầu tư TS dài hạn	(1,068)	(1,598)	(2,810)	(9.82)	(10.1)
Góp vốn & đầu tư	(803)	(1,224)	(701)	(1,094)	0
Thanh lý	2,447	382	0	0	0
Khác	437	944	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	1,013	(1,497)	(3,510)	(1,104)	(10.1)
Cổ tức trả cho CSH	(780)	(917)	(420)	(420)	(420)
Thu từ phát hành CP	45.2	3,059	62.1	0	0
Tăng/giảm nợ	(45.3)	220	1,540	(324)	(310)
Khác	(35.4)	(24.9)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(816)	2,337	1,182	(745)	(730)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	1,364	1,474	3,964	2,561	2,361
LCT thuần trong kỳ	109	2,487	(1,403)	(200)	995
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.49	3.15	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	1,474	3,964	2,561	2,361	3,356
Dòng tiền tự do	(1,156)	48.3	(1,884)	1,638	1,725

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	46.2	44.7	45.6	44.6	46.7
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	45.9	45.9	54.8	53.5	52.7
Tỷ suất LNT (%)	57.8	30.2	31.4	29.1	28.9
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.4	8.39	11.7	11.8	12.7
Tăng trưởng doanh thu (%)	(1.34)	25.6	(0.28)	11.8	12.9
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(4.16)	25.5	19.2	9.10	11.2
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	136	(38.2)	4.30	3.68	12.0
Tăng trưởng EPS (%)	122	(51.9)	2.07	3.68	12.0
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	135	(54.8)	2.76	3.68	12.0
Tăng trưởng DPS (%)	79.6	(13.1)	(54.9)	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	34.8	62.8	27.8	26.8	23.9
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.7	13.9	11.6	11.0	11.4
ROACE (%)	10.3	7.25	7.86	7.66	8.86
Vòng quay tài sản (lần)	0.29	0.31	0.25	0.25	0.26
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	(0.08)	1.65	0.68	1.12	0.98
Số ngày tồn kho	12.0	11.4	11.9	11.7	12.1
Số ngày phải thu	214	169	173	171	178
Số ngày phải trả	89.6	63.1	101	98.9	103
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	5.78	(14.4)	8.41	6.96	(1.72)
Nợ/tài sản (%)	14.5	12.1	17.5	15.2	13.0
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	118	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.32	1.55	2.06	1.68	1.33
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.76	3.17	3.05	2.87	3.09
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	5.03	4.76	4.99	4.38	3.60
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.0	10.4	9.10	8.18	6.82
P/E (lần)	8.06	16.8	16.4	15.8	14.1
P/E ĐC (lần)	8.29	18.3	17.9	17.2	15.4
P/B (lần)	2.11	1.98	1.81	1.68	1.55
Lợi suất cổ tức (%)	4.32	3.75	1.69	1.69	1.69

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn